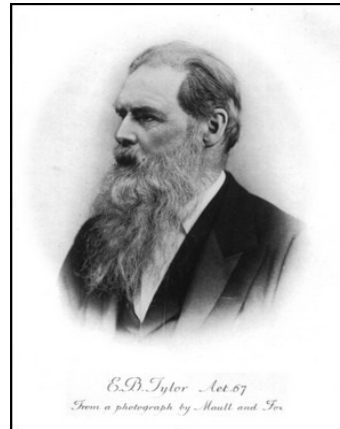


Edward Burnett Tylor và nghiên cứu của ông về thuyết vật linh

Lê Công Sự^(*)

Tóm tắt: E.B. Tylor (1832-1917) là người tự học mà trở nên hiểu biết. Cả đời ông cống hiến cho ngành nhân chủng học và khảo cổ học. Thông qua các cuộc điền dã, ông đã nghiên cứu văn hóa nguyên thủy, trong đó có thuyết vật linh - như một hiện tượng đặc biệt giúp người hiện đại hiểu được nền văn hóa đó. Bài viết trình bày những nét chính trong tiểu sử của Tylor và nêu bật vai trò của ông trong nghiên cứu thuyết vật linh, ảnh hưởng của thuyết này đến sự hình thành các nghi lễ, tín ngưỡng tôn giáo khác của người nguyên thủy.

Từ khóa: Thuyết vật linh, Bái vật giáo, Thờ ngẫu tượng, Tuần táng, Thờ vật tổ, Đa thần giáo



1. Thuyết vật linh - một cái nhìn chung từ thần học và triết học

“Animism” chuyển ngữ sang tiếng Việt thường được hiểu là “thuyết vật linh”, “vật linh luận”, “vạn vật hữu linh”, “đạo vật linh”, v.v... Tuy chuyển ngữ khác nhau nhưng cách hiểu khá thống nhất rằng, đây là quan niệm xuất hiện từ thời nguyên thủy với hàm ý: không chỉ có con người mà các đồ vật, cây cối, động vật đều có linh hồn; từ quan niệm đó xuất hiện “lòng tin vào linh hồn và thần thánh, coi đó như những lực lượng tác động đến cuộc sống con người, của động vật và hiện tượng thế giới xung quanh” (M.M Rozentan, 1986, tr.663).

Từ thời cổ đại, thuyết vật linh đã gây sự chú ý cho các triết gia, vì đây không chỉ là một tín ngưỡng dân gian mà còn có ý nghĩa triết lý sâu sắc về sự tồn tại của vạn vật trong thế giới, hướng tới trả lời câu hỏi về mối quan hệ giữa tồn tại và tư duy. Các triết gia Hy Lạp cổ đại như Platon, Pythagoras, Heraclitus, Empedocles, Aristotle, Epicure, Plotin, v.v... đều nghiên cứu và đề cập đến vấn đề quan hệ giữa thể xác và linh hồn, coi linh hồn như một yếu tố quan trọng trong sự chuyển hóa đời sống của thể xác. Theo Aristotle, trong sự tác động qua lại lẫn nhau, linh hồn là yếu tố tạo nên sự sống của thể xác, thiếu linh hồn thể xác không thể sống, khi đó sự vật chỉ là một tên gọi trống rỗng không có sinh khí. Ông phân biệt ba dạng linh hồn

^(*) PGS.TS., Giảng viên triết học, trường Đại học Hà Nội; Email: sulecong@yahoo.com

khác nhau để diễn tả cách tổ chức của các cơ thể sinh vật: *Thảo hồn* - linh hồn của các thảo mộc hay cây cỏ, chỉ có chức năng sống đơn thuần như quang hợp, trao đổi muối khoáng hay tự dinh dưỡng. *Sinh hồn* - linh hồn của các loài động vật có cảm giác, biết vận động và có mong muốn. *Nhân hồn* - hồn của con người, là động vật có địa vị cao nhất, tồn tại với tư cách “động vật chính trị”, vì nó không chỉ có cảm giác, khát vọng, đam mê mà còn có cả tư duy và trí tưởng tượng (Xem: Aristotle, 2006, tr.100). Quan niệm này về sau được các triết gia cận đại và cận hiện đại khác nghiên cứu dưới góc độ sử học tôn giáo, tôn giáo học so sánh, hiện tượng học tôn giáo, tâm lý học tôn giáo, xã hội học tôn giáo, nhân loại học tôn giáo, địa lý học tôn giáo, triết học tôn giáo, thần học tôn giáo (Xem: Trác Tân Bình, 2007).

Không đi theo lối mòn truyền thống, bác sĩ nổi danh người Áo Sigmund Freud đã tiếp cận vấn đề từ góc độ phân tâm học, trong tác phẩm *Vạn vật hữu linh, ma thuật và quyền năng tối thượng của tư duy* ông cho rằng, “vạn vật hữu linh theo nghĩa hẹp là luận thuyết về các ý tưởng linh hồn. Theo nghĩa rộng, nó là học thuyết về những bản chất tinh thần. Người ta còn phân biệt vạn vật hữu linh với tính cách là luận thuyết về sự tái sinh của tự nhiên mà đối với chúng ta nó tỏ ra không tái sinh và người ta xếp *vạn vật hữu linh* và *thuyết thờ cúng tổ tiên* (manismus) vào cùng một hàng. Cái tên vạn vật hữu linh trước kia vận dụng cho một hệ thống triết học nhất định, sau đó có lẽ được ý nghĩa như hiện nay là nhờ E.B. Tylor” (Sigmund Freud, 2006, tr.123). Theo Freud, Tylor có vai trò lớn không chỉ trong việc khơi dậy thuyết vật linh nguyên thủy mà còn giải thích nó thông qua những bằng chứng sinh động của khảo cổ học, dân tộc học và nhân chủng học.

2. Thân thế và sự nghiệp E.B. Tylor

E.B. Tylor sinh ngày 2/10/1832 trong gia đình tín đồ *quaker* giàu có ở khu ngoại ô Kamberwell, London. Thân phụ là Joseph Tylor, một chủ đúc đồng, muốn con mình kế tục gia nghiệp nên Tylor không được học đại học như những con em giàu có khác thời bấy giờ. Nhưng như một định mệnh, một cuộc gặp mặt không ngờ với Henry Christy^(*) tại châu Mỹ khi Tylor sang đó điều dưỡng đã làm thay đổi hoàn toàn cuộc đời ông. Tài năng bẩm sinh và lòng nhiệt thành khoa học không bao giờ nguội lạnh đã đưa ông đến đỉnh vinh quang của Nhân chủng học. Tuy không có bằng đại học, nhưng ông đã được phong danh hiệu viện sĩ cao cấp, làm thành viên của Hội Hoàng gia Anh (Royal Society) năm 1871, được trao bằng Tiến sĩ danh dự Đại học Oxford năm 1875, trở thành giáo sư đại học ngành nhân loại học ở Đại học Oxford từ năm 1896 đến 1909.

Trở lại cuộc gặp như đã nói trên, chủ ngân hàng Henry Christy là một người giàu có, thích đi điền giả, tổ chức nhiều cuộc khai quật, nhiều chuyến du hành sưu tầm di chỉ người cổ. Sở thích này của Henry đã đánh thức tài năng bẩm sinh và niềm hứng thú tìm tòi ở chàng Tylor trẻ tuổi, họ đã tiến hành nhiều chuyến điền giả, nhiều cuộc khai quật, sự hợp tác này chỉ chấm dứt khi Henry mất. Năm 1857, sau khi trở về từ châu Mỹ, Tylor kết hôn với một phụ nữ Anh giàu có. Cuộc hôn nhân đã tạo tiền đề kinh tế cho ông có thể đi xa trên con đường nghiên cứu, ông học một số ngôn ngữ châu Âu, tiến hành nhiều cuộc hành trình khắp châu Âu, châu Phi,

(*) Henry Christy (1810-1865) - Giám đốc London Joint-Stock Bank, người say mê sưu tập các di chỉ người cổ đại và đã công hiến cho Bristish Museum nhiều cổ vật quý giá về văn hóa nguyên thủy.

châu Úc và châu Mỹ. Kết quả là ông đã công bố gần 250 công trình về nhân chủng học, điển hình trong số đó là cuốn *Anahuak, or Mexico and the Mexicans, Ancient and Modern* (Anahuak, hay Mexico và người Mexico cổ đại và hiện đại) xuất bản năm 1861, là thành quả của chuyến du hành và du khảo quanh xứ Mexico năm 1856, khơi gợi nhiều hướng nghiên cứu về văn hóa tộc người. Bốn năm sau (1865), Tylor tập hợp một số tiểu luận thành cuốn *Researches into the Early History of Mankind and the Development of Civilization* (Những nghiên cứu chuyên sâu về lịch sử nhân loại thời kỳ đầu). Trong đó ông cho rằng, *lịch sử văn hóa là sự tiến bộ không ngừng từ trạng thái hoang dã nguyên thủy đến văn minh hiện đại*.

Năm 1871, Tylor ra mắt độc giả công trình *Primitive Culture* (Văn hóa nguyên thủy) gồm 2 tập. Tập đầu *Origins of Culture* (Nguồn gốc của văn hóa) nghiên cứu về nhiều lĩnh vực nhân loại học như sự tiến hóa xã hội, ngôn ngữ học và huyền thoại. Tập hai *Religion in Primitive Culture* (Tôn giáo nguyên thủy) dành phần lớn số trang cho việc luận giải sự hình thành và phát triển của thuyết vật linh. Cuốn *Anthropology* (Nhân loại học) xuất bản năm 1881 như một văn bản tổng kết những công trình nghiên cứu riêng rẽ của ông trong khoảng mười năm trước đó, đồng thời bổ sung cho cuốn *Văn hóa nguyên thủy*. Cuốn sách không chỉ bàn về nguồn gốc con người mà còn bàn đến sự phát triển của những yếu tố văn hóa. Những năm sau 1881, Tylor không đi diễn giảng mà tập trung giảng dạy ở các trường đại học, hoạt động truyền bá khoa học của ông chỉ ngừng khi thực sự về già và bệnh tật. Ngày 2/1/1917, tại thị trấn Wellington xứ Somerset, nước Anh, trái tim nhà nhân chủng học xuyên hai thế kỷ ngừng đập.

3. Nghiên cứu của E.B. Tylor về thuyết vật linh

Quan niệm chung về thuyết vật linh

Là một người đã tiến hành nhiều cuộc điền dã, sống chung với thổ dân châu Phi, châu Úc, thổ dân các đảo Thái Bình Dương nhiều năm, với sự nghiên cứu huyền thoại (myth) một cách căn bản, Tylor có một cái nhìn về thuyết vật linh hoàn toàn khác so với các triết gia tiền bối và đương thời. Ông tiếp cận thuyết vật linh theo một hệ thống các phương pháp như thống nhất giữa logic và lịch sử, phương pháp đối chiếu, so sánh, phương pháp lịch đại và đồng đại. Nhờ tuân thủ các phương pháp nghiên cứu khoa học như vậy mà ông đã đưa đến cho độc giả một cái nhìn có chiều sâu và toàn diện về thuyết vật linh. Theo ông, thuyết vật linh là hình thức tôn giáo nguyên thủy sơ khai và phổ biến của loài người, nó “là sự thể hiện bản chất của triết học duy linh đối lập với triết học duy vật... thuận tiện cho việc giải thích... những quan niệm tôn giáo của loài người... Thuyết này có nguồn gốc từ chủ nghĩa duy linh (spiritualism) - một học thuyết về những thực thể tâm linh” (E.B. Tylor, 2001, tr.509). Về cơ bản, thuyết vật linh được “tách làm hai tín điều chủ yếu như hai bộ phận của một học thuyết hoàn chỉnh. Tín điều thứ nhất bao trùm hồn của những thực thể khác nhau có thể tiếp tục tồn tại cả sau khi thân thể bị hủy diệt. Tín điều thứ hai bao trùm những vị thần được đưa lên trình độ cao của những vị thần hùng mạnh. Người thờ vật linh thừa nhận rằng các thực thể tâm linh cai quản những hiện tượng của tôn giáo vật chất và sự sống của con người hoặc ảnh hưởng tới chúng ở đây và sau khi chết” (E.B. Tylor, 2001, tr.511).

Theo Tylor, thuyết vật linh tuy biểu hiện khác nhau trong các tộc người, nhưng

bản chất chung với quan niệm cho rằng, linh hồn là nguyên nhân sự sống của muôn vật, muôn loài, do vậy nghiên cứu thuyết vật linh phải được bắt đầu từ khái niệm linh hồn. Trên quan điểm *Từ nguyên học* (Etymology) - khoa học về nguồn gốc các từ, Tylor cho rằng, thuật ngữ linh hồn có trong nhiều ngôn ngữ khác nhau. Trong tiếng Phạn, linh hồn được gọi là “Atman”, trong tiếng Hy Lạp cổ đại gọi là “Psyche”, còn trong tiếng Latinh gọi là “Anima”. Thuật ngữ “Anima” trong tiếng Latinh này được lấy làm quy ước chung để gọi tên cho thuyết vật linh. Về khái niệm linh hồn, Tylor viết: “Linh hồn là một hình ảnh tinh tế phi vật chất của con người, mà về bản chất nó giống như hơi, không khí hay bóng đen. Nó là nguyên nhân của sự sống và của ý tưởng về một thực thể được nó đem lại sự sống. Nó hoàn toàn và độc lập chi phối ý thức và ý chí cá nhân của con người có thân thể trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Nó có thể rời bỏ thân thể và nhanh chóng đi từ nơi này sang nơi khác. Tuy phần lớn là không thể sờ thấy được và nhìn thấy được, nó vẫn bộc lộ một sức mạnh vật chất và hiện lên với những người đang ngủ hay đang thức, chủ yếu như một ảo ảnh, một bóng ma, tách rời thân thể nhưng giống với nó. Nó có thể nhập vào thân thể những người khác, những động vật hay những đồ vật, chi phối chúng” (E.B. Tylor, 2001, tr.514).

Những khảo sát thực tế qua những cuộc khai quật, những lần đi điền dã, cũng như qua việc nghiên cứu tư liệu khoa học của các học giả khác đưa Tylor đến quan niệm cho rằng, thuyết vật linh bao gồm cả tín ngưỡng, những hiện tượng mê tín dị đoan, những nghi lễ dân gian như chôn cất, thờ tự người chết. Cơ sở lý luận của thuyết vật linh dựa trên quan niệm “con người gồm bốn phần hợp thành: phách, thể xác, tinh thần, bóng. Bốn phần

ấy được định sẵn cho bốn chỗ: Thể xác chôn xuống đất, hồn lớn vờn quanh đời mộ. Địa ngục đón nhận phách, còn tinh thần bay lên các vì sao” (E.B. Tylor, 2001, tr.521).

Theo quan niệm chung của mọi dân tộc trên thế giới, cuộc sống hay kiếp làm người ở chốn trần gian của mỗi con người chỉ là hiện tượng tạm thời, còn kiếp sau, tức cuộc sống sau khi chết là vĩnh cửu. Điều này được giải thích với quan niệm “linh hồn hay tinh thần lìa bỏ thân thể khi chết có thể ở lại trong mộ, đi phiêu diêu trên mặt đất, bay trên không hay tới nơi cư trú thật sự của linh hồn - ở thế giới bên kia - theo ý muốn của nó” (E.B. Tylor, 2001, tr.543). Khi siêu thoát, linh hồn tồn tại dưới nhiều dạng như hơi thở, bóng ma, thậm chí dưới cả dạng vật chất như một chất ether bay hơi. Quan niệm này phát sinh không phải là vô cơ mà có căn cứ thực tế, đó là việc người ta nhìn thấy hình ảnh người thân đã chết qua giấc mơ hay “thị giác kép” mà người Hy Lạp cổ đại gọi là “thần báo mộng”. Xuất phát từ quan niệm này “mà có tập quán hết sức phổ biến là chui những cái lỗ vào vật cứng (như quan tài, mồ mả) để cho linh hồn đi qua” (E.B. Tylor, 2001, tr.540). Còn trong tín ngưỡng người Việt, khi xây mộ, cúng bái, người ta phải để một lỗ hờ, mở cửa để “linh hồn”, “ma quỷ” có đường siêu thoát vào nhà “ăn” các đồ cúng.

Những tập quán và mê tín dị đoan phát sinh từ thuyết vật linh

Trong quan niệm thông thường của những người tin vào thuyết vật linh, “ma” (the ghost) là một biểu tượng khá phổ biến. Ma không chỉ tồn tại trong tâm thức con người của mọi dân tộc thời đại xa xưa, mà ngay cả thời hiện đại, đa số con người vẫn tin có ma. Ma được ví như linh hồn của người chết hiện về trong thế giới

hiện tại để phù hộ độ trì hoặc quấy nhiễu họ (ví dụ hiện tượng trùng tang). Vì tin có ma, nên phát sinh nhiều tập quán và mê tín dị đoan tiếp theo như: Tuần táng, thờ cúng người chết bằng thức ăn, đốt vàng mã, cầu xin ma, trừ tà ma, quan niệm về đầu thai thành những con vật, quan niệm tái sinh của các bậc tiền nhân trong các kiếp hậu duệ, quan niệm “ma xui, quỷ khiến”, v.v...

Tuần táng là phong tục chôn cất (thiêu hỏa) theo người chết (chủ yếu là đối với những bậc vua chúa, tướng lĩnh, người giàu có) những người đang sống như vợ, nô lệ, người hầu, binh lính, v.v... để sang thế giới bên kia còn có người hầu hạ. Không chỉ có vậy, theo quan niệm “sống sao, thác vậy”, người ta còn giết, chôn cất (hay thiêu đốt) theo người chết những con vật, những tư liệu sản xuất, đồ trang sức, binh khí, v.v... Do tính bất nhân và sự tốn kém của nó, về sau các “đồ thật” được thay bằng các đồ mang tính biểu trưng hay vật mô phỏng mà người Việt gọi nôm na là “vàng mã” và hình thành *phong tục đốt vàng mã*. “Vàng mã” chủ yếu được làm từ gỗ, giấy (những chất dễ đốt cháy), hình thức thật đa dạng như hình nhân thể mạng, nhà cửa, ngựa, xe, quần áo, giày, dép, mũ nón, đồ trang sức, tiền bạc, v.v... tùy theo cuộc sống và sinh hoạt của từng thời (ngày nay có cả vàng mã đồ điện tử như xe máy, điện thoại di động, v.v...). Đồng thời với tuần táng là việc *hiến tế* trong lễ tang. Những người sống, thường là những người có quan hệ họ hàng hay thân thích với người đã chết đem “tặng một thứ tài sản nào đó cho người chết”, và đây “là một trong những tập quán tôn giáo phổ biến nhất trên thế giới” (E.B. Tylor, 2001, tr.569). Lễ vật và hình thức hiến tế tùy thuộc vào cuộc sống trần tục của cá nhân và phong tục của từng dân tộc. Theo quan niệm chung thì việc hiến tế lễ vật cho

người chết cũng có ý nghĩa giống như quà tặng cho người sống, với mong ước rằng người chết sẽ có cảm tình mà giúp đỡ mình trên nguyên tắc “sống khôn, chết thiêng”.

Dựa trên những khảo sát thực tế, Tylor khẳng định thờ cúng người chết là một hiện tượng tín ngưỡng phổ biến ở phương Đông. Người ta đặt một bức vẽ người chết lên quan tài, mộ chí hoặc bàn thờ rồi cúng thức ăn, đồ uống (theo nguyên tắc dương sao, âm vậy) với quan niệm cuộc sống vẫn tiếp diễn ở thế giới bên kia. Biểu tượng về thế giới bên kia cũng là một đề tài khá hấp dẫn của thuyết vật linh, đó là một thế giới giống như sự miêu tả của văn hào người Italy - Đantê trong *Thần khúc*, ở đó có thưởng điều thiện và trừng phạt điều ác. Việc thờ cúng không chỉ giới hạn trong những liên hệ thân thích (gia tộc) mà còn mở rộng ra toàn xã hội như thờ cúng các vị anh hùng có công với nước, các vị thần giúp ích cho sản xuất, tổ nghề, thành hoàng, v.v... Tylor cũng bỏ khá nhiều công sức nghiên cứu hiện tượng mê tín dị đoan như *ma ám* hay *lên đồng, cầu hồn*. Ông cho rằng, “người bị ma ám thường lo lắng và đi lại hấp tấp, lòng lộn và buồn rầu, như thể ở bên trong anh ta có một thực thể nào đó hành hạ mình,... anh ta bỗng có những ý nghĩ và lời lẽ đẹp đẽ vượt quá trình độ thông thường về năng lực của mình, sai bảo và tiên đoán tương lai” (E.B. Tylor, 2001, tr.701). Từ quan niệm ma là nguồn gốc sinh bệnh, làm nên những điềm xấu mà phát sinh hiện tượng đuổi ma, trừ tà, cũng từ đây sinh ra *những pháp sư, thầy cúng, thầy phù thủy, thầy địa lý, thầy bói* đóng vai trò trung gian giữa thần và người, thực hiện chức năng chữa bệnh, giải hạn, giảm điềm xấu, cầu điều tốt. Phong tục này tồn tại đến ngày nay, chủ yếu trong các tộc người ít tiếp xúc với xã hội văn minh, thiếu phương tiện chữa bệnh.

Ảnh hưởng thuyết vật linh đến sự hình thành nghi lễ và hình thái tôn giáo khác

Theo Tylor, thuyết vật linh ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội, nhiều phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo và lễ nghi là sự tiếp nối, biến thái của thuyết này. Ví dụ như bái vật giáo, thờ ngẫu tượng, niệm thần chú, thờ vật tổ hay totemism, đa thần giáo và một số nghi lễ tôn giáo bản địa khác.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ, ông cho rằng, thuật ngữ “Fetishism” (*Bái vật giáo*) có nguồn gốc từ tiếng Latinh “factitius”, mà thuật ngữ “factitius” lại mượn từ thuật ngữ “feitico” (phù phép) trong tiếng Bồ Đào Nha. Về sau, người Pháp và người Anh dịch thành “fetich, fetish” (bái vật), tức thờ cúng những đồ vật, cây cối, muông thú và lông, móng vuốt của chúng, v.v... tất cả đều được coi là vật linh thiêng. Bái vật giáo là căn nguyên của “thờ ngẫu tượng” và “niệm thần chú”.

Thờ ngẫu tượng (Idol) là hiện tượng phổ biến ở Ấn Độ. Ngẫu tượng được làm từ gỗ, rơm (hình nộm) hay từ đất sét với ý nghĩa là sự hiện thân của thần thánh trong đó. Ngẫu tượng cũng có thể là những hiện tượng tự nhiên như trong quan niệm dân gian người Việt: “thần cây đa, ma cây đề”. Theo Tylor, “phần lớn người ta coi ngẫu tượng như một đối tượng tự nó có thật, hay như một vật chứa thần thánh” (E.B. Tylor, 2001, tr.745). Những ngẫu tượng nhân tạo được đặt lên mộ người chết, ví dụ phong tục chôn cất người chết ở Tây Nguyên Việt Nam, trên mộ người chết người ta cất nhà (nhà mồ), trong nhà đó có dựng các công cụ lao động như cày, cuốc và những công cụ lao động phổ biến của địa phương, ngẫu tượng có thể để trong nhà (những nơi cao ráo, trang trọng), trên bàn thờ.

Niệm thần chú (Mantra) là việc người ta nói các âm thanh có khả năng giao tiếp với các cảnh giới tâm linh. Các tôn giáo khác nhau có những câu thần chú không giống nhau. Trong các câu chuyện cổ, nhất là trong *Nghìn lẻ một đêm* (Xem: Antoine Galland, 2002) thường nhắc đến hiện tượng niệm thần chú với mục đích sai khiến tà ma, quỷ dữ không làm việc ác đối với con người, cầu mong thần thánh trợ giúp một việc gì đó. Trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, những lời nói của thân chủ trong khi cúng bái cũng có thể được xem như hình thức biến tướng của niệm thần chú. Lời cúng, văn tế thường tuân thủ một nguyên tắc chung là trước hết nêu tên tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú của thân chủ, sau đó cầu xin ông bà, tổ tiên, thần thánh phù hộ độ trì, giúp đỡ những việc cụ thể nào đó như sức khỏe, con cái, tiền tài, danh vọng, v.v... Tylor cho rằng, việc niệm kinh trong Phật giáo (Buddhism), trong Ki Tô giáo (Christianism) cũng là một hình thức niệm thần chú, với ý nguyện các bậc thần linh sẽ giúp đỡ người cầu nguyện thành tâm, chăm chỉ.

Thờ vật tổ (Totemism) là một hình thức thần thánh hóa các hiện tượng tự nhiên. Tylor viết: “Ở các nấc văn hóa thấp, thường thấy có một thể chế xã hội được biết dưới cái tên gọi thờ vật tổ (totemisme). Đối với lịch sử loài người, ý nghĩa của nó đã được Mac Lenman làm sáng tỏ. Theo ông, thời kỳ tô-tem (vật tổ) ban đầu trong lịch sử xã hội có ảnh hưởng lớn tới đầu óc con người. Một bộ lạc tô-tem chia thành các thị tộc. Thành viên mỗi tộc gắn bó với nhau bằng tên gọi một con vật, một cây hay một vật nào đó, nhưng phần lớn là một con vật, họ tự gọi mình bằng tên gọi này và thậm chí còn truy dòng họ huyền bí của mình từ con vật, cây hay vật đó... Người ta không ăn thịt con

vật tô-tem của mình, cũng không mặc da nó, và nếu họ giết con vật để tự vệ thì phải làm lễ tạ tội” (E.B. Tylor, 2001, tr.803-807). Việc chọn con vật nào làm vật tổ tùy thuộc vào từng dân tộc và có nguồn gốc từ xa xưa thông qua phong tục thờ động vật và huyền tích xuất xứ của dân tộc đó. Ví dụ, trong tín ngưỡng dân gian, dựa theo chuyện “Lạc Long Quân và Âu Cơ”, người Việt lấy chim Lạc làm vật tổ. Từ câu chuyện này mà người Việt gọi nhau bằng “đồng bào”, coi mình như là “con Rồng, cháu Tiên”, những người cùng sinh ra từ một bọc ban đầu.

Đa thần giáo (Polytheism) là hình thái tôn giáo điển hình trong xã hội khi loài người thoát khỏi trạng thái nguyên thủy để bước vào xã hội chiếm hữu nô lệ. Tôn giáo được miêu tả khá cụ thể trong thánh ca *Veda* của Ấn Độ và huyền thoại Hy Lạp. Mỗi hiện tượng tự nhiên và xã hội như mặt trăng, mặt trời, sấm chớp, mưa, gió, lửa, đại dương, tình yêu, chiến tranh, chết chóc, v.v... đều được gán cho một vị thần. Các vị thần được nhân cách hóa thành những con người cụ thể có nhiệm vụ trông coi lãnh địa và công việc mà mình phụ trách. Theo Tylor, đa thần giáo phản ánh bước phát triển của tư duy nhân loại, để từ đó thực hiện bước chuyển thần thánh từ lĩnh vực tự nhiên sang lĩnh vực xã hội, tức thần thánh hóa các vị hoàng đế mà Trung Quốc là một ví dụ điển hình, ở đây, vua được coi là “Thiên tử”, “thể thiên hành đạo”, nên mọi thần dân phải một lòng tuân phục mà không chống đối.

4. Kết luận

Như một hình thái tín ngưỡng sơ khai, thuyết vật linh hình thành từ thời nguyên thủy do trình độ nhận thức của con người thời đó còn hạn chế, cộng với những khó khăn về đời sống, sự bất lực của con người trước những lực lượng tự nhiên và

thế lực áp bức xã hội đã làm cho “con người tha hóa bản chất của mình” (K. Marx), từ đó bằng “phương pháp nhân cách hóa bất kỳ mọi vật” (X.A. Tocarev) đã biến “những lực lượng trần thế thành những lực lượng siêu trần thế” (F. Engels). Xét về phương diện lịch sử, thuyết vật linh “với hình thức này hay hình thức khác đã có mặt trong tất cả các tôn giáo, từ những tôn giáo nguyên thủy cho đến những tôn giáo phát triển nhất... mức độ biểu hiện của những tín ngưỡng vật linh ở các hình thức tôn giáo khác nhau, trong các giai đoạn phát triển cũng không giống nhau... không có một tôn giáo phát triển nào lại có thể thiếu những biểu tượng vật linh” (X.A. Tocarev, 1994, tr.37-38).

Trong thời đại ngày nay, điều kiện tự nhiên đã thay đổi khác xa so với thời nguyên thủy, những cánh rừng đã được canh tác và được quy hoạch, có đường cao tốc xuyên qua, những con sông đã được trị thủy để tàu bè đi lại, con người đã biết sử dụng thủy lưu để làm thủy điện. Ban đêm bóng tối không còn bao phủ khắp mọi nơi mà phần lớn đã được thay bằng ánh điện, làm cho tự nhiên mất đi cái vẻ sợ hãi. Về vấn đề này, nhà tâm lý học nổi tiếng người Thụy Sĩ - Carl Gustav Jung đã nói rất đúng rằng, ngày nay “sấm chớp không còn là trận lôi đình của Ngọc Hoàng Thượng đế, sét không còn là khí giới trả thù của thiên thần, sông không còn có hà bá, cây không còn có ma, hang đá không còn có quỷ. Hòn đá, cái cây không còn đối thoại với người và người ta không trao đổi tâm tình với nó làm như nó nghe được. Sự liên lạc giữa con người với thiên nhiên bị gián đoạn, vì như thế mà biến mất những sinh lực tâm tình sâu xa được tạo ra bởi những liên lạc với những biểu tượng của con người” (Sigmund Freud, 2001, tr.139). Điều kiện xã hội cũng biến đổi

khá nhiều, khoa học công nghệ phát triển, người ta tìm nguyên nhân của những cái chết bất thường bằng các xét nghiệm y học, các hiện tượng sấm, chớp, mây mưa, động đất, núi lửa, v.v... đã được giải thích bằng kiến thức địa lý, thiên văn. Thời thế thay đổi căn bản như vậy, song không vì thế mà thuyết vật linh mất hết ý nghĩa. Cả về phương diện lý thuyết và thực tế, học thuyết này vẫn còn hiện diện trong tâm thức con người, tạo thành những phong tục tập quán, nghi lễ tôn giáo, góp phần tô điểm cho sự đa dạng của đời sống tâm linh nhân loại. Tuy nhiên, nếu không hiểu rõ bản chất vấn đề, truyền bá và phát triển thuyết vật linh theo hướng cực đoan, một chiều thì dễ dẫn đến những ảnh hưởng xấu, nhất là lãng phí tiền của, mất trật tự an ninh xã hội, rối loạn tâm lý cộng đồng. Trong bối cảnh đó, những luận giải của Tylor về thuyết vật linh đã góp thêm tiếng nói khoa học cho chúng ta hiểu sâu hơn về bản chất đa dạng của đời sống tâm linh - một lĩnh vực khá phức tạp và nhạy cảm trong đời sống hiện thực con người, làm cho đời sống trở nên hấp dẫn và cao thượng hơn □

Tài liệu tham khảo

1. Antoine Galland (2002), *Những chuyện hay nhất trong Nghìn lẻ một đêm* (bản dịch của Vũ Liêm, Đoàn Doãn), Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
2. Aristotle (2006), *Về linh hồn*, *Tuyển tập các danh tác triết học*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Benjamin Jowett (2008), *Plato chuyên khảo*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Trác Tân Bình (2007), *Lý giải tôn giáo*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
5. Carl Gustav Jung (2007), *Thăm dò tiềm thức*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
6. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n (1995), *Toàn tập*, Tập 21, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đantê (1978), *Thần khúc*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
8. E.B. Tylor (2001), *Văn hóa nguyên thủy* (Huyền Giang dịch), Tạp chí Văn hóa nghệ thuật xuất bản, Hà Nội.
9. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
10. M.M. Rozentan (chủ biên, 1986), *Từ điển triết học*, Nxb. Tiến bộ, Moskva (tiếng Nga).
11. Tom Butler - Bowdon (2012), *Những danh tác vượt thời gian của triết học tâm linh*, Nxb. Văn hóa văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
12. Sigmund Freud (2001), *Nguồn gốc của văn hóa và tôn giáo* (Vật tổ và cảm ký), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Sigmund Freud (2006), *Vạn vật hữu linh, ma thuật và quyền năng tối thượng của tư duy*. In trong: *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
14. V.N. Nikolski (2001), *Cuộc đời và hoạt động của Edward Tylor* (Lời giới thiệu cuốn *Văn hóa nguyên thủy*), Huyền Giang dịch, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật xuất bản, Hà Nội.
15. Viện nghiên cứu tôn giáo (2004), *Về tôn giáo và tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. X.A. Tocarev (1994), *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.